

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

*“V/v ly hôn, nuôi con và
cấp dưỡng nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thu Trang.

2- Bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 76/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Dương Văn R, sinh năm 1990.

2- Bị đơn: Chị Lê Thị Bé N, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp K.I, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Văn R trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N kết hôn với nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 11/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống

đến năm 2021 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp và thiếu tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên cự cãi nhau, xung đột lẫn nhau. Từ đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh xin ly hôn với chị Lê Thị Bé N.

Về con chung: Có 01 người con tên Dương Hoàng G sinh ngày 27/10/2015, hiện đang sống với chị N. Nay anh đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi cháu Dương Hoàng G đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Bé N trình bày như sau: Chị thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con cái, tài sản và nợ chung là đúng như anh Dương Văn R trình bày nêu trên. Tuy nhiên, về mâu thuẫn là gần đây anh R có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không có quan tâm gì đến mẹ con chị từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến nay.

Theo yêu cầu của anh R thì chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị không đồng ý ly hôn với anh Dương Văn R.

Về con chung: Nếu Tòa án xử cho chị và anh R ly hôn thì chị yêu cầu xin được nuôi con và đồng ý cho anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Dương Văn R vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như nêu trên. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Bé N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Văn R xử cho anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N là giao cháu Dương Hoàng G, sinh ngày 27/10/2015 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh R cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N kết hôn với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn ngày 11/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh R và chị N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, thiếu tin tưởng nên thường xảy ra cự cãi và xung đột với nhau từ năm tháng 9 năm 2021 cho đến nay. Hơn nữa từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay bản thân anh chị và gia đình cha mẹ hai bên cũng không tự hòa giải được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Dương Văn R xử cho anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N là giao cháu Dương Hoàng G, sinh ngày 27/10/2015 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng cấp dưỡng 01 lần vào ngày 01 hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N thống nhất để tự vợ chồng thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Dương Văn R phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Do anh R và chị N đã thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con trước khi mở phiên tòa nên anh Dương Văn R phải chịu $300.000đ \times 50\% = 150.000đ$ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng cộng hai khoản tiền án phí anh Dương Văn R phải chịu là 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0004758, ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh R còn phải nộp thêm 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N ly hôn.
2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N là giao cháu Dương Hoàng G, sinh ngày 27/10/2015 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng cấp dưỡng 01 lần vào ngày 01 hàng tháng.

3. Về tài sản chung: Anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N thống nhất để tự vợ chồng thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Dương Văn R và chị Lê Thị Bé N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí ly:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Dương Văn R phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Văn R phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng cộng hai khoản tiền án phí anh Dương Văn R phải chịu là 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0004758, ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh R còn phải nộp thêm 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh R và chị N biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/5/2022).

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Thái;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm

